Bộ Xây dựng
24-12-2021
09:00:10 +07:00

BỘ XÂY DỰNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1392 /QĐ-BXD	*Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Xây dựng

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Xây dựng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Các quy định trước đây có liên quan về danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc Bộ Xây dựng được bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Thủ trưởng các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ và các công chức, viên chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Các Thứ trưởng Bộ XD;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Ban chỉ đạo TW về Phòng, chống tham nhũng;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Đảng ủy Bộ XD;
- Đảng ủy Khối cơ sở BXD tại TP.HCM;
- Công đoàn XD Việt Nam;
- Lưu: VT, TCCB.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Nghị

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về danh mục vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Xây dựng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1392/QĐ-BXD ngày 24 /12/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về danh mục vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Xây dựng.

2. Đối tượng áp dụng

a) Quy định này áp dụng đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đang công tác tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ;

b) Người có chức vụ, quyền hạn (được quy định tại Khoản 2 Điều 3 Luật Phòng, chống tham nhũng) làm việc tại một số vị trí liên quan đến công tác tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công, trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác.

Điều 2. Nguyên tắc chuyển đổi vị trí công tác

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị theo thẩm quyền có trách nhiệm định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và viên chức trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình nhằm phòng ngừa tham nhũng. Việc luân chuyển cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thực hiện theo quy định về luân chuyển cán bộ.

2. Việc thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác theo Quy định này là quy định bắt buộc, thường xuyên theo thời hạn, áp dụng đối với tất cả các công chức, viên chức được bố trí vào các vị trí công tác thuộc danh mục định kỳ chuyển đổi vị trí công tác quy định tại Điều 6 Quy định này.

3. Việc chuyển đổi vị trí công tác phải bảo đảm khách quan, hợp lý, phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ và không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

4. Việc chuyển đổi vị trí công tác phải được thực hiện theo kế hoạch và được công khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị và gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị.

5. Không được lợi dụng việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức vì vụ lợi hoặc để trù dập công chức, viên chức.

6. Việc thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với viên chức ngoài việc thực hiện theo các quy định chung tại Quy định này còn phải căn cứ vào hợp đồng làm việc đã ký với đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 3. Phương thức thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác

1. Chuyển đổi vị trí công tác cùng chuyên môn, nghiệp vụ từ bộ phận này sang bộ phận khác trong cùng cơ quan, đơn vị; giữa các lĩnh vực, địa bàn được phân công theo dõi, phụ trách, quản lý hoặc giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phạm vi quản lý của Bộ.

2. Chuyển đổi vị trí công tác được thực hiện bằng văn bản điều động, bố trí, phân công nhiệm vụ đối với người có chức vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Trường hợp chưa thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác

1. Người đang trong thời gian bị xem xét, xử lý kỷ luật.

2. Người đang bị kiểm tra, xác minh, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử.

3. Người đang điều trị bệnh hiểm nghèo được cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận; người đang đi học tập trung từ 12 tháng trở lên, người đang biệt phái.

4. Phụ nữ đang trong thời gian mang thai hoặc nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi; nam giới đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi do vợ mất hoặc trong trường hợp khách quan khác.

Điều 5. Chuyển đổi vị trí công tác trong trường hợp đặc biệt

1. Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị chỉ có một vị trí trong danh mục định kỳ chuyển đổi mà vị trí này có yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ khác với các vị trí còn lại của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó thì việc chuyển đổi do người đứng đầu cơ quan cấp trên trực tiếp lập kế hoạch chuyển đổi chung.

2. Không thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với người có thời gian công tác còn lại dưới 18 tháng cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu.

Chương II

DANH MỤC VỊ TRÍ CÔNG TÁC VÀ THỜI HẠN ĐỊNH KỲ CHUYỂN ĐỔI

Điều 6. Danh mục những vị trí công tác tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Xây dựng phải thực hiện định kỳ chuyển đổi.

1. Các loại vị trí công tác thuộc diện định kỳ chuyển đổi

a) Vị trí công tác liên quan đến công tác tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công;

b) Vị trí công tác có tính chất trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác đến làm việc tại Bộ, tại đơn vị;

c) Vị trí công tác thuộc danh mục vị trí công tác phải định kỳ chuyển đổi được quy định chi tiết tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ.

2. Danh mục vị trí công tác trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Xây dựng bắt buộc phải định kỳ chuyển đổi.

Chi tiết theo Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 7. Thời hạn định kỳ chuyển đổi

Thời hạn chuyển đổi đối với vị trí công tác trong Phụ lục kèm theo Quy định là từ đủ 03 năm (đủ 36 tháng) đến 05 năm (đủ 60 tháng). Trường hợp đặc biệt báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định.

Điều 8. Quy định về rà soát danh mục vị trí chuyển đổi

Hàng năm, căn cứ chức năng, nhiệm vụ đơn vị được giao, căn cứ quy định tại Điều 6 Quy định này, căn cứ phân công công tác đối với công chức, viên chức trong đơn vị, Thủ trưởng các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ có trách nhiệm tổ chức rà soát vị trí công tác phải chuyển đổi trong đơn vị (đề xuất bổ sung hoặc đưa ra khỏi danh sách) và gửi đến Vụ Tổ chức cán bộ để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định.

Điều 9. Thời điểm ban hành quyết định chuyển đổi vị trí công tác theo định kỳ và tiến hành bàn giao công việc

1. Việc chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức thuộc đối tượng chuyển đổi được thông báo công khai cho công chức, viên chức thuộc đối tượng chuyển đổi biết trước ít nhất là 30 ngày trước khi chính thức có quyết định chuyển đổi vị trí công tác.

2. Cấp được giao thẩm quyền quyết định chuyển đổi vị trí công tác theo định kỳ có trách nhiệm tổ chức và tạo điều kiện thuận lợi để công chức, viên chức bàn giao công việc cho công chức, viên chức khác trong thời hạn từ 01 ngày đến 05 ngày làm việc trước khi bắt đầu được chuyển đổi vị trí công tác.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Vụ Tổ chức cán bộ:

a) Theo dõi, hướng dẫn việc xây dựng kế hoạch, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác theo định kỳ trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ;

c) Tổng hợp, tình hình và kết quả thực hiện hàng năm (trước ngày 01 tháng 12) về thực hiện Quy định, báo cáo Lãnh đạo Bộ để phê duyệt hoặc để Bộ trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

2. Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ:

a) Xây dựng kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác của đơn vị mình gửi về Vụ Tổ chức cán bộ (vào trước ngày 15 tháng 11 của năm trước năm kế hoạch) để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác của đơn vị mình sau khi được phê duyệt.

c) Các đơn vị đã được phân cấp quản lý và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức chịu trách nhiệm thực hiện định kỳ chuyển đổi công tác theo Quy định này; đồng thời quy định rõ thẩm quyền và trách nhiệm thực hiện việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với các tổ chức trực thuộc đơn vị (nếu có);

d) Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm lập kế hoạch, tổ chức thực hiện theo kế hoạch, kiểm tra, thanh tra việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức theo thẩm quyền quản lý được phân cấp;

đ) Báo cáo tình hình và kết quả thực hiện việc thực hiện Quy định này về Bộ (qua Vụ Tổ chức cán bộ) trước ngày 15 tháng 11 hàng năm.

Điều 11. Xử lý vi phạm

Trường hợp vi phạm các quy định của Quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan đến việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác thì tùy theo tính chất và mức độ của hành vi vi phạm, người vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Những công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đang đảm nhiệm các vị trí công tác mà theo các quy định trước đây không phải thực hiện định kỳ chuyển đổi, nhưng theo Quy định này phải thực hiện chuyển đổi, nếu đã đến thời hạn phải chuyển đổi thì phải thực hiện việc chuyển đổi trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày Quy định này có hiệu lực thi hành./.

Phụ lục:

DANH MỤC VỊ TRÍ CÔNG TÁC PHẢI ĐỊNH KỲ CHUYỂN ĐỔI TRONG CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC BỘ XÂY DỰNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1392/QĐ-BXD ngày 24 /12/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

I. VỊ TRÍ CÔNG TÁC LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC TỔ CHỨC CÁN BỘ, QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG, TÀI SẢN CÔNG, ĐẦU TƯ CÔNG

1. Các vị trí liên quan đến công tác tổ chức cán bộ

1.1. Thẩm định nhân sự để trình cấp có thẩm quyền bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

1.2. Tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức; thi nâng ngạch công chức, viên chức; thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

1.3. Thẩm định hồ sơ để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt về tổ chức bộ máy, biên chế.

1.4. Thẩm định các đề án thành lập mới, sắp xếp lại các cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp nhà nước, tổ chức phi chính phủ, hội nghề nghiệp.

1.5. Thẩm định hồ sơ để trình cấp có thẩm quyền quyết định các hình thức thi đua, khen thưởng, kỷ luật.

1.6. Phân bổ chỉ tiêu đào tạo.

1.7. Quản lý, thực hiện chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

2. Các vị trí liên quan đến quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công

2.1. Theo dõi công tác quản lý tài chính, ngân sách, tài sản trong các đơn vị hành chính, sự nghiệp trực thuộc Bộ; quản lý và thực hiện nghiệp vụ tài chính, kế toán, quản lý tài sản tại đơn vị đang công tác.

2.2. Quản lý và thực hiện các nghiệp vụ về công tác cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Bộ; thực hiện các hoạt động thẩm định và định giá tài sản, giá trị doanh nghiệp.

2.3. Theo dõi công tác quản lý kế hoạch và đầu tư trong các đơn vị hành chính, sự nghiệp trực thuộc Bộ; thực hiện công tác kế hoạch và đầu tư tại đơn vị công tác.

2.4. Quản lý, thẩm định các dự án sự nghiệp, đề tài nghiên cứu khoa học.

2.5. Phân bổ ngân sách (gồm cả ngân sách đào tạo, khoa học).

2.6. Mua sắm công.

II. VỊ TRÍ CÔNG TÁC TRỰC TIẾP TIẾP XÚC VÀ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC

1. Các vị trí chuyên môn chuyên ngành xây dựng

1.1. Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng; Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân nước ngoài.

1.2. Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng; Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

1.3. Cấp giấy phép xây dựng mới công trình; Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo công trình; Cấp giấy phép di dời công trình.

1.4. Công nhận tổ chức xã hội - nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.

1.5. Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh; Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh;

1.6. Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước).

1.7. Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.

1.8. Công bố thông tin đối với cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp xây dựng.

1.9. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho các tổ chức thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng.

1.10. Cấp chứng chỉ kiểm định viên cho các cá nhân thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng.

1.11. Cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.

1.12. Công nhận cơ sở đào tạo đủ điều kiện đào tạo kiến thức chuyên môn nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư.

1.13. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.

1.14. Cấp mới Giấy chứng nhận hoạt động chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.

1.15. Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án thuộc thẩm quyền quyết định phê duyệt đầu tư của Bộ Xây dựng.

1.16. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

1.17. Tham mưu ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng đối với các dự án bảo tồn tôn tạo các công trình di tích quốc gia và di tích quốc gia đặc biệt.

1.18. Điều chỉnh đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ.

1.19. Tham mưu việc chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.

1.20. Tham mưu kiến thống nhất của Bộ Xây dựng đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình trong khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử của đô thị đặc biệt.

1.21. Tham mưu ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh.

1.22. Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh của Đồ án quy hoạch.

1.23. Thẩm định Đồ án, Đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng.

2. Các vị trí liên quan lĩnh vực thanh tra

2.1. Thanh tra hành chính;

2.2. Thanh tra chuyên ngành;

2.3. Giải quyết khiếu nại, tố cáo;

2.4. Thanh tra phòng, chống tham nhũng;

2.5. Tiếp công dân;

2.6. Xử lý đơn khiếu nại, tố cáo;

2.7. Giám sát, thẩm định và xử lý sau thanh tra, giám sát.

2.8. Quản lý theo địa bàn, lĩnh vực, đối tượng chuyên quản được phân công về thanh tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng.

3. Các vị trí khác

3.1. Tuyển sinh, đào tạo trong các trường công lập.

3.2. Quản lý, cấp phát các loại văn bằng, chứng chỉ trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng do đơn vị thực hiện.

3.3. Thẩm định, phê duyệt chương trình đào tạo, bồi dưỡng của các nhà trường, đơn vị đào tạo trực thuộc Bộ.

3.4. Thẩm định công nghệ đối với các dự án đầu tư.

3.5. Thỏa thuận luận cứ phòng cháy chữa cháy đối với các dự án, công trình xây dựng./.